

**C**ÙNG với C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n đã có đóng góp to lớn trong quan niệm duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư duy và tồn tại, giữa tư tưởng và kinh tế..., cũng như giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội nói chung.

Về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư tưởng và kinh tế, C. Mác đã đưa ra nhiều luận điểm rất đúng đắn và khoa học, trong đó có luận điểm nổi tiếng: "Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ"<sup>(1)</sup>. Thế nhưng, sau khi C. Mác qua đời, kẻ thù của chủ nghĩa Mác thường xuyên tạc rằng, chủ nghĩa Mác chỉ đề cao tính quyết định của vật chất, kinh tế mà coi nhẹ vai trò của ý thức, tư tưởng. Ph. Ăng-ghe-n đã đấu tranh chống lại quan điểm sai trái nói trên và bảo vệ, phát triển sáng tạo quan điểm của C. Mác về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng. Ph. Ăng-ghe-n cho rằng, khi đấu tranh với chủ nghĩa duy tâm, C. Mác buộc phải nhấn mạnh tính quyết định của vật chất, kinh tế đối với ý thức, tư tưởng, song điều đó không có nghĩa là hạ thấp vai trò của ý thức, tư tưởng.

Ph. Ăng-ghe-n cho rằng, cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm trước C. Mác, dù ở góc độ này hay góc độ khác, đều tuyệt đối hóa mặt này hay mặt kia của mối quan hệ giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng. Trong khi đề cao tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chủ nghĩa duy tâm cố tình quên rằng, tính độc lập của ý thức, tư tưởng chỉ có ý nghĩa tương

## Quan điểm của Ph. Ăng-ghe-n về tính độc lập (tương đối), tính sáng tạo của ý thức, tư tưởng

PHÙNG ĐÔNG

đối chứ không có ý nghĩa tuyệt đối\*, và tính sáng tạo của nó không phải chỉ là sự tưởng tượng thuần túy, tách khỏi đời sống vật chất - kinh tế. Còn chủ nghĩa duy vật, do quá đề cao tính quyết định của vật chất, kinh tế mà không thấy được tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, cũng như sự tác động trở lại của nó đối với đời sống vật chất - kinh tế.

Để hiểu rõ nguồn gốc, bản chất của tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chúng ta hãy tìm hiểu quan điểm của Ph. Ăng-ghe-n về nguyên nhân dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng.

*1 - Sự phân công lao động xã hội là nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng.* Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự phân công lao động xã hội của loài người là cả một quá trình phát triển từ đơn giản đến phức tạp. Trong buổi sơ khai của lịch sử, sự phân công lao động xã hội chỉ diễn ra ở phạm vi lao động vật chất (lao động chân tay): giữa săn bắn và hái lượm, giữa chăn nuôi và trồng trọt... Đến

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 13, tr 15

\* Trong bài viết này, khi viết về tính độc lập của ý thức, tư tưởng, chúng tôi dùng với nghĩa tính độc lập tương đối

một giai đoạn phát triển lịch sử nào đó, sự phân công lao động xã hội được chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần (lao động chân tay và lao động trí óc), lao động chấp hành và lao động quản lý... Càng về sau, sự phân công lao động xã hội càng diễn ra sâu sắc, và lao động tinh thần dần dần trở thành một lĩnh vực độc lập, dường như tách khỏi lĩnh vực lao động vật chất. Nhờ đó, những sản phẩm của lao động tinh thần như ý thức, tư tưởng, lý luận, lý thuyết, quan điểm, quan niệm ... ngày càng có tính độc lập, sáng tạo. Trong "Hệ tư tưởng Đức" (tác phẩm viết chung của C.Mác và Ph.Ăng-ghen), chúng ta thấy có đoạn phân tích khá sâu sắc về phân công lao động xã hội là nguyên nhân dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng: "Phân công lao động chỉ trở thành sự phân công lao động thực sự từ khi xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần. Bắt đầu từ lúc đó, ý thức có thể thực sự tưởng tượng rằng nó là một cái gì khác chứ không phải là ý thức về thực tiễn hiện có, rằng nó có thể thực sự đại biểu cho cái gì đó mà không đại biểu cho một cái gì hiện thực cả; bắt đầu từ lúc đó, ý thức có khả năng tự giải thoát khỏi thế giới và chuyển sang xây dựng lý luận "thuần túy", thần học, triết học, đạo đức, v.v."<sup>(2)</sup>.

2 – Sự phân chia xã hội thành giai cấp và sự xuất hiện nhà nước cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Vì lợi ích giai cấp mà giai cấp thống trị sẵn sàng áp đặt ý chí và nguyện vọng của mình vào hoạt động nhận thức cũng như hoạt động tinh thần nói chung. Tình trạng đó đã làm cho ý thức - tư tưởng xã hội ít nhiều mang tính chất chủ quan, không phản ánh đúng đời sống vật chất - kinh tế. Điều này được thể hiện rõ nhất trong hệ tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị, trước hết là trong tư tưởng pháp luật. Ph. Ăng-ghen viết:

"Trong một nhà nước hiện đại, pháp luật không chỉ phải phù hợp với tình hình kinh tế chung,... mà còn phải là sự biểu hiện *hài hòa bên trong*,... Mà để đạt được điều này, người ta vi phạm ngày càng nhiều tính chính xác của việc phản ánh các quan hệ kinh tế. Và điều này xảy ra càng thường xuyên khi càng hiếm có trường hợp một bộ luật biểu hiện rõ rệt, không giảm nhẹ, không xuyên tạc sự thống trị của một giai cấp..."<sup>(3)</sup>.

3 – Trình độ và đặc điểm nhận thức của con người là nguyên nhân không kém phần quan trọng dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Ph. Ăng-ghen cho rằng, trong buổi bình minh của lịch sử, do trình độ nhận thức thấp kém, con người đã có những quan niệm, tư tưởng sai lầm về sự cấu tạo của thân thể họ, về thiên nhiên, về những lực lượng bí ẩn... Trong quá trình phát triển của nhận thức, những quan niệm, tư tưởng sai lầm đó được gạt bỏ dần dần, nhưng không phải vì thế mà chúng không còn gây ảnh hưởng đến những giai đoạn nhận thức tiếp theo. Đôi khi, trên cơ sở những quan niệm, tư tưởng sai lầm cũ, người ta lại tạo ra những quan niệm, tư tưởng sai lầm mới. Ph. Ăng-ghen còn cho rằng, một đặc điểm nổi bật của nhận thức là, bằng sự hình dung, trí tưởng tượng, hoặc bằng những kinh nghiệm, chất liệu tư tưởng đã tích lũy được của bản thân và của xã hội, người ta có thể xây dựng nên những tư tưởng, quan niệm, khái niệm có tính chất thuần túy và tách rời hiện thực. Chính điều đó đã tạo cho người ta một ảo tưởng rằng, những tư tưởng, quan niệm, khái niệm là sản phẩm thuần túy của con người, là sự "tự ý thức" của con người. Ph. Ăng-ghen viết: "Hệ tư tưởng là một quá trình tư tưởng do người được gọi là nhà tư tưởng tiến hành, mặc dù tiến hành một cách có ý thức, nhưng là một cách có

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđđ*, t 3, tr 45

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđđ*, t 37, tr 679

ý thức sai lầm... Vì vấn đề là quá trình tư duy nên nhà tư tưởng cũng rút ra cả nội dung lẫn hình thức của nó từ sự tư duy thuần túy - hoặc là từ sự tư duy của chính ông ta, hoặc là từ sự tư duy của những người đi trước ông ta"<sup>(4)</sup>.

Theo Ph. Ăng-ghe-n, xét đến cùng, tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng chẳng qua chỉ là về "bề ngoài". Ngay cả những ảo tưởng của con người cũng là sự thăng hoa tất yếu của đời sống vật chất. Bởi vậy, trong "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", khi nói về mối quan hệ giữa triết học và tôn giáo với đời sống hiện thực, Ph. Ăng-ghe-n viết: "Những hệ tư tưởng cao hơn nữa, nghĩa là ở cách xa cơ sở vật chất, kinh tế của chúng hơn, đều mang hình thức triết học và tôn giáo. Ở đây, mối quan hệ giữa các quan niệm với các điều kiện tồn tại vật chất của chúng ngày càng trở nên phức tạp và ngày càng bị làm lu mờ đi bởi những khâu trung gian. Song dù sao mối quan hệ đó vẫn tồn tại"<sup>(5)</sup>.

Như vậy, theo Ph. Ăng-ghe-n, tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng chỉ có ý nghĩa tương đối. Trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào, ý thức, tư tưởng cũng đều là sự phản ánh của đời sống vật chất - kinh tế, dù đó là sự phản ánh trực tiếp hay gián tiếp.

Tuy nhiên, ý thức, tư tưởng không phải là kết quả của một sự phản ánh thụ động, máy móc và không phải bao giờ cũng chịu sự chi phối hoàn toàn của đời sống vật chất - kinh tế. Ngoài tính chân thực, khách quan, nó còn bao hàm cả tính độc lập, sáng tạo, mềm dẻo, và do đó, nó không thể không có ảnh hưởng tích cực đến đời sống vật chất - kinh tế. Thậm chí, trong những thời điểm nhất định, nó có thể đóng vai trò quyết định đối với đời sống vật chất - kinh tế, cũng như đối với sự phát triển của xã hội nói chung. Ph. Ăng-ghe-n viết: "... theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử xét đến cùng

là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực... Tình hình kinh tế là cơ sở hạ tầng, nhưng các yếu tố khác nhau của kiến trúc thượng tầng..., các học thuyết chính trị, pháp lý, triết học, các quan điểm tôn giáo... cũng có ảnh hưởng đến quá trình cuộc đấu tranh lịch sử và trong nhiều trường hợp chiếm ưu thế trong việc quyết định hình thức của cuộc đấu tranh ấy"<sup>(6)</sup>.

Ph. Ăng-ghe-n cho rằng, do có tính độc lập tương đối mà ý thức, tư tưởng có thể có nội dung tiến bộ, vượt trước, song cũng có thể có nội dung bảo thủ, lạc hậu. Điều đó phụ thuộc vào việc nhà tư tưởng đứng ở lập trường giai cấp nào và đã tiếp thu, kế thừa những chất liệu tư tưởng của quá khứ ở mức độ như thế nào. Tôn giáo là lĩnh vực tư tưởng bảo thủ nhất, bởi nó phụ thuộc nhiều vào "chất liệu truyền thống"<sup>(7)</sup>. Ph. Ăng-ghe-n khẳng định, những tư tưởng, quan niệm bảo thủ, sai lệch thường tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, thậm chí là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Theo Ph. Ăng-ghe-n, sự tác động trở lại của ý thức, tư tưởng, nhất là của ý thức, tư tưởng pháp luật, đối với sự phát triển kinh tế cũng giống như sự tác động trở lại của quyền lực nhà nước đối với sự phát triển kinh tế. Sự tác động đó có thể có ba loại: "Nó có thể tác động cùng hướng - khi ấy sự phát triển diễn ra nhanh hơn; nó có thể tác động ngược lại sự phát triển kinh tế..., hoặc là nó có thể cản trở sự phát triển kinh tế ở những hướng nào đó và thúc đẩy sự phát triển ở những hướng khác"<sup>(8)</sup>.

Ph. Ăng-ghe-n còn cho rằng, do có tính độc lập tương đối mà giữa các yếu tố, hình thái của

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 39, tr 132

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 21, tr 444

(6) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 37, tr 641 - 642

(7) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 21, tr 449

(8) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 37, tr 678

ý thức - tư tưởng xã hội (ý thức, tư tưởng chính trị, pháp luật, đạo đức; văn học, nghệ thuật...) thường có sự tác động qua lại. Sự tác động này không chỉ dựa trên cơ sở tính tất yếu kinh tế mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế.

Có thể nói, chỉ khi nào chúng ta tuân thủ và vận dụng đúng nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng thì khi đó chúng ta mới không mắc phải bệnh bảo thủ, giáo điều và bệnh chủ quan, duy ý chí.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, nhờ có sự vận dụng đúng đắn nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điều đó thể hiện rõ nhất trong việc giành thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Mặc dù đời sống vật chất - kinh tế của đất nước ta thấp hơn nhiều lần so với đời sống vật chất - kinh tế của các nước đó, nhưng Đảng ta đã biết khơi dậy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong ý thức, tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của mỗi người dân. Sự khơi dậy đó đã tạo nên ý chí sắt đá, quyết chiến quyết thắng, tạo nên sự đoàn kết, triệu người như một, và do đó, tạo nên sức mạnh vô địch.

Tất nhiên, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ còn bắt nguồn từ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng ta. Nói một cách khái quát, đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng ta không chỉ phản ánh đúng mà điều quan trọng hơn, còn phản ánh sáng tạo, vượt trước hiện thực khách quan. Song, sự phản ánh sáng tạo, vượt trước đó không phải là sự phản ánh mang tính chủ quan, duy ý chí, tách khỏi đời sống hiện thực, mà là sự phản ánh thể hiện ở tài phân tích, nắm bắt được trước tình hình, xu thế vận động của

thời cuộc, của hiện thực khách quan. Ở đây, Đảng ta đã rất sáng suốt khi dự đoán được rằng, đường lối, phương châm kháng chiến toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, kết hợp ba thứ quân, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp các mũi giáp công, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như chống đế quốc Mỹ sẽ làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi. Cụ thể, chiến tranh càng kéo dài, địch càng sa lầy, suy yếu và càng đánh càng yếu; còn ta, càng có điều kiện phát triển kinh tế, chính trị, củng cố lực lượng, rút kinh nghiệm về cách đánh và do đó, càng đánh càng mạnh...

Tuy nhiên, không phải lúc nào chúng ta cũng hiểu đúng và vận dụng đúng nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Trong một thời gian khá dài, kể từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự nhận thức cũng như tư tưởng, quan niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội chưa phù hợp và chưa theo kịp sự vận động, biến đổi của thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Điều này đã được Đảng ta thẳng thắn thừa nhận tại Đại hội VI (1986): "Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v."<sup>(9)</sup>. Rõ ràng, ở đây chúng ta chưa vươn tới tính chân thực, khách quan và tính năng động, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Để tư tưởng, quan niệm của chúng ta phản ánh chân thực, sinh động, sáng tạo thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải "luôn luôn

(9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 125

xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan"<sup>(10)</sup>, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, và điều quan trọng là phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Đó cũng chính là sự tôn trọng và tuân theo nguyên lý về tính bị quyết định bởi đời sống vật chất - kinh tế và tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng trong đổi mới tư duy, đổi mới quan niệm, nhận thức.

Như vậy, xét trong mối quan hệ biện chứng giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng, đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế, thực chất là làm cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng có tính khả thi hơn, sát đúng hơn đối với sự vận động, phát triển của đời sống vật chất - kinh tế. Và, điều quan trọng hơn, làm cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng giữ vai trò chủ động, sáng tạo trong việc định hướng, vạch đường "đi tắt, đón đầu" cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Những thành tựu của gần 20 năm đổi mới đất nước đã chứng tỏ rằng, đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Tuy nhiên, như Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 12, khóa IX, về mặt nhận thức, chúng ta chưa hình thành được một khung lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là về tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Các bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được làm rõ. Nhận thức về nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn khác nhau.

Xuất phát từ nguyên lý tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chúng ta có thể thấy,

để góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần đổi mới nhận thức, tư duy và công tác tư tưởng, lý luận theo hướng: Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy chính trị, pháp luật và kinh tế nhằm sớm xây dựng một khung lý luận vững chắc về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thứ hai, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn đổi mới đất nước, gắn với nghiên cứu, học tập kinh nghiệm nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội, nhằm làm sáng tỏ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và các bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Thứ ba, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, pháp luật, đạo đức - lối sống cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân, gắn với việc đẩy mạnh công tác đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, nhằm tạo ra sự thống nhất, đồng thuận cao về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân; làm thất bại chiến tranh tâm lý và chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phản động. Thứ tư, mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong nghiên cứu khoa học, lý luận; đồng thời, động viên, khuyến khích kịp thời, thỏa đáng đối với những cá nhân có cống hiến xuất sắc về khoa học, lý luận. Thứ năm, tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa và khoa học, kỹ thuật - công nghệ trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và bảo đảm an ninh quốc gia. Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh việc bảo tồn, khai thác, kế thừa những di sản, giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc; gắn việc khai thác, kế thừa đó với công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và đạo đức - lối sống lành mạnh trong nhân dân. □

(10) Văn kiện đã dẫn, tr 30